

Số: /QĐ-SGTVT

Sóc Trăng, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi phù hiệu của phương tiện vi phạm tốc độ
tháng 4/2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ và Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ Quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15/04/2015 quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

Căn cứ kết quả tổng hợp, phân tích tình hình vi phạm trích xuất từ Hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu thiết bị giám sát hành trình thuộc Cục Đường bộ Việt Nam tháng 4/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi phù hiệu kinh doanh vận tải của 18 phương tiện do vi phạm tốc độ tháng 4/2024.

(Danh sách tại phụ lục kèm theo).

Lý do thu hồi: Trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình tháng 4/2024 cho thấy có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) theo quy định tại điểm b, khoản 10, Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.

Điều 2. Phù hiệu cấp cho các phương tiện nêu tại Điều 1 không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Yêu cầu các đơn vị vận tải có phương tiện vi phạm tại Điều 1 của Quyết định này.

- Có trách nhiệm nộp phù hiệu bị thu hồi về Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng khi nhận được Quyết định thu hồi.

- Không được sử dụng phương tiện bị thu hồi để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu.

- Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của bộ phận theo dõi điều kiện an toàn giao thông; yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe, thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình để bảo đảm duy trì trình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định trong suốt quá trình tham gia giao thông; có hình thức xử lý lái xe vi phạm quá tốc độ theo quy định và nhân viên theo dõi về điều kiện an toàn giao thông theo quy chế của đơn vị.

- Nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thì đơn vị kinh doanh vận tải phải làm thủ tục để được cấp lại phù hiệu theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ.

- Các bến xe khách không xác nhận vào Lệnh vận chuyển đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bị thu hồi phù hiệu tại Điều 1 của Quyết định này, khi đơn vị chưa thực hiện thủ tục cấp lại phù hiệu cho phương tiện.

- Giao Thanh tra sở phối hợp phòng Quản lý vận tải phương tiện và người lái theo dõi các đơn vị giao nộp phù hiệu về Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng, giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm đối với trường hợp đơn vị cố tình sử dụng phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu. Xử phạt vi phạm hành chính đối với đơn vị về lỗi “không nộp lại phù hiệu về Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng theo quy định” quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 28 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP).

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái, Chánh Thanh tra, Giám đốc các đơn vị có phương tiện vi phạm và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND tỉnh;
- Cục ĐBVN;
- Sở GTVT các tỉnh, tp;
- Công an các tỉnh, tp;
- Website của sở;
- Lưu: VT, QLVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phụ lục**DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN BỊ THU HỒI PHÙ HIỆU VẬN TẢI DO VI PHẠM TỐC ĐỘ***Có 5 lần vi phạm tốc độ/1000km xe chạy tháng 4/2024 (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05km/h trở xuống)**(Thời gian tính từ ngày 01/4/2024 đến 30/4/2024)**(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGTVT ngày /4/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng)*

TT	Biển số	Đơn vị quản lý	Loại phù hiệu	Số phù hiệu	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình	Ghi chú
							Lần	/1000 Km		
1	83F00064	Công ty TNHH vận tải Thuận Tiến	Xe hợp đồng	HĐ9424000275	25/4/2024	29/4/2025	48	6,60631	7.265,78	
2	83C09475		Xe tải	XT9424000236	22/4/2024	24/4/2025	19	6,45715	2.942,47	
3	83B01056		Xe tuyến cố định	CĐ9424000056	22/3/2024	25/3/2025	87	7,00543	12.418,94	BX Trần Đề - BX An Phú (BD)
4	83E00220		Xe hợp đồng	HĐ9424000259	19/4/2024	22/4/2026	82	5,12929	15.986,63	
5	83B00861	HTX DVVT Thống Nhất	Xe tuyến cố định	CĐ9424000027	20/02/2024	29/02/2025	38	5,57619	6.814,69	BX Ngã Năm - BX Phú Chánh (BD)
6	83B01228		Xe hợp đồng	HĐ9424000257	16/4/2024	25/4/2025	21	5,38699	3.898,28	

7	83B01263	DN tư nhân Thành Long Phú	Xe tuyến cố định	CĐ9424000102	22/4/2024	22/4/2031	13	8,08464	1.607,99	BX Long Phú - BX Bà Bằng (BD)
8	51B10733	CN-ST Công ty CP xe khách Phương Trang FUTABUSLINES	Xe tuyến cố định	CĐ9424000098	19/4/2024	19/4/2031	40	7,26781	5.503,72	BX Ngã Năm - BX Miền Tây (Tp.HCM)
9	51B11636			CĐ9424000099	19/4/2024	19/4/2031	110	6,39393	17.203,83	
10	51B27929			CĐ9424000096	17/4/2024	17/4/2031	90	6,62783	13.579,10	Bến xe Sóc Trăng- bến xe Bến Cát (BD) và ngược lại
11	51B27588			CĐ9424000095	17/4/2024	17/4/2031	87	6,65555	13.071,80	
12	51B13906			CĐ9424000100	19/4/2024	19/4/2031	86	5,10664	16.840,83	
13	51B31000			CĐ9424000093	17/4/2024	17/4/2031	81	5,71096	14.183,27	BX Vĩnh Châu - BX Miền Tây (Tp.HCM)
14	83B01089			Công ty TNHH Sơn Phụng	Xe hợp đồng	HĐ9424000196	22/3/2024	25/3/2026	137	5,14110
15	83B01285	HĐ9423000330	05/07/2023			20/07/2024	61	5,71082	10.681,47	
16	83F00079	HĐ9424000247	16/4/2024			30/10/2025	60	8,80679	6.812,92	
17	83B00806	HĐ9424000253	16/4/2024			15/4/2026	54	23,39788	2.307,90	

18	83C09475		Xe tải	XT9424000236	22/4/2024	24/4/2025	128	7,86994	16.264,41	
----	----------	--	--------	--------------	-----------	-----------	-----	---------	-----------	--